

BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP TP HÀ NỘI
**TRUNG TÂM DỊCH VỤ
VÀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số: 65/TB-DVHTDN

Hà Nội, ngày 5 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO

**Về giá dịch vụ, mẫu tem kiểm định các loại máy, thiết bị, vật tư
có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động**

Căn cứ Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 03/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Dịch vụ và Hỗ trợ doanh nghiệp trực thuộc Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 41/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (Nay là Bộ Nội vụ) ngày 11/11/2016 về việc quy định về giá tối thiểu dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động;

Căn cứ Giấy chứng nhận số 237/GCN-KĐ ngày 16/10/2025 của Bộ Nội vụ về việc đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động,

Trung tâm Dịch vụ và Hỗ trợ doanh nghiệp trân trọng Thông báo tới các Quý cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp đang hoạt động trong và ngoài khu công nghệ cao, khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội thông tin về dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và mẫu tem kiểm định như sau:

1. Thông tin chung

Tên tổ chức đơn vị: Trung tâm Dịch vụ và Hỗ trợ doanh nghiệp
Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km29, Đại lộ Thăng Long, xã Hòa Lạc, thành phố Hà Nội.

SĐT: 024.3365.3333

Cán bộ phụ trách: Nguyễn Vĩnh Hòa - SĐT: 0971101515

Email: kiemdinhkhucongnghiep@gmail.com

2. Giá tối thiểu dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

(Theo biểu phụ lục 01 ban hành kèm theo thông báo này)

3. Mẫu tem kiểm định và mẫu giấy kết quả kiểm định

(Theo biểu phụ lục 02 ban hành kèm theo thông báo này)

Trung tâm Dịch vụ và Hỗ trợ doanh nghiệp rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý cơ quan, đơn vị để Trung tâm chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trân trọng cảm ơn./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Quản lý (để b/c);
- PTB Trần Đức Trung (để b/c);
- Lãnh đạo Trung tâm;
- Phòng DVTHĐT&BD (để t/h);
- Phòng CSTT (để p/h đăng tải thông tin);
- Lưu: VT, HCTH.

**K.T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC** 



Phạm Dũng



Phụ lục 01
BIỂU GIÁ TỐI THIỂU
DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG
(Kèm theo Thông báo số: ..65.. /TB-DVHTDN ngày ..5../..11../ 2025)

STT	Máy, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động		Đơn vị	Mức giá (đồng)
	Hạng mục	Đặc tính kỹ thuật		
1	Nồi hơi	Công suất nhỏ hơn 01 tấn/giờ	Thiết bị	700.000
		Công suất từ 01 tấn/giờ đến 02 tấn/giờ	Thiết bị	1.400.000
		Công suất từ trên 02 tấn/giờ đến 06 tấn/giờ	Thiết bị	2.500.000
		Công suất từ trên 06 tấn/giờ đến 10 tấn/giờ	Thiết bị	2.800.000
		Công suất từ trên 10 tấn/giờ đến 15 tấn/giờ	Thiết bị	4.400.000
		Công suất từ trên 15 tấn/giờ đến 25 tấn/giờ	Thiết bị	5.000.000
		Công suất từ trên 25 tấn/giờ đến 50 tấn/giờ	Thiết bị	8.000.000
		Công suất từ trên 50 tấn/giờ đến 75 tấn/giờ	Thiết bị	10.800.000
		Công suất từ trên 75 tấn/giờ đến 125 tấn/giờ	Thiết bị	14.000.000
		Công suất từ trên 125 tấn/giờ đến 200 tấn/giờ	Thiết bị	23.000.000
		Công suất từ trên 200 tấn/giờ đến 400 tấn/giờ	Thiết bị	32.000.000
		Công suất trên 400 tấn/giờ	Thiết bị	39.000.000
2	Bình chịu áp lực	Dung tích đến 02 m ³	Thiết bị	500.000
		Dung tích từ trên 02 m ³ đến 10 m ³	Thiết bị	800.000
		Dung tích từ trên 10 m ³ đến 25 m ³	Thiết bị	1.200.000
		Dung tích từ trên 25 m ³ đến 50 m ³	Thiết bị	1.500.000
		Dung tích từ trên 50 m ³ đến 100 m ³	Thiết bị	4.000.000
		Dung tích từ trên 100 m ³ đến 500 m ³	Thiết bị	6.000.000
		Dung tích trên 500 m ³	Thiết bị	7.500.000
3	Hệ thống lạnh	Năng suất lạnh đến 30.000 Kcal/h	Thiết bị	1.400.000
		Năng suất lạnh từ trên 30.000 Kcal/h đến 100.000 Kcal/h	Thiết bị	2.500.000
		Năng suất lạnh từ trên 100.000 Kcal/h đến 1.000.000 Kcal/h	Thiết bị	4.000.000
		Năng suất lạnh trên 1.000.000 Kcal/h	Thiết bị	5.000.000

4	Hệ thống đường ống áp lực	Đường kính ống đến 150 mm	m	10.000
		Đường kính ống trên 150 mm	m	15.000
5	Cần trục			
5.1	Cần trục	Tải trọng dưới 3,0 tấn	Thiết bị	700.000
		Tải trọng từ 3,0 tấn đến 7,5 tấn	Thiết bị	1.200.000
		Tải trọng từ trên 7,5 tấn đến 15 tấn	Thiết bị	2.200.000
		Tải trọng từ trên 15 tấn đến 30 tấn	Thiết bị	3.000.000
		Tải trọng từ trên 30 tấn đến 75 tấn	Thiết bị	4.000.000
		Tải trọng từ trên 75 tấn đến 100 tấn	Thiết bị	5.000.000
		Tải trọng trên 100 tấn	Thiết bị	6.000.000
5.2	Các loại máy trục khác	Tải trọng dưới 3,0 tấn	Thiết bị	700.000
		Tải trọng từ 3,0 tấn đến 7,5 tấn	Thiết bị	1.200.000
		Tải trọng từ trên 7,5 tấn đến 15 tấn	Thiết bị	2.200.000
		Tải trọng từ trên 15 tấn đến 30 tấn	Thiết bị	3.000.000
		Tải trọng từ trên 30 tấn đến 75 tấn	Thiết bị	4.000.000
		Tải trọng từ trên 75 tấn đến 100 tấn	Thiết bị	5.000.000
		Tải trọng trên 100 tấn	Thiết bị	6.000.000
6	Tời, Trục tải, cáp treo vận chuyển người, Tời thủ công có tải trọng từ 1.000 kg trở lên	Tải trọng đến 1,0 tấn và góc nâng từ 0 độ đến 35 độ	Thiết bị	1.800.000
		Tải trọng trên 1 tấn và góc nâng trên 35 độ đến 90 độ.	Thiết bị	2.000.000
		Cáp treo vận chuyển người	Mét dài cáp	20.000
		Tời thủ công có tải trọng 1.000 kg trở lên.	Thiết bị	1.000.000
7	Máy vận thăng nâng hàng, nâng hàng kèm người, nâng người; Sàn nâng người, nâng hàng	Tải trọng nâng dưới 3 tấn	Thiết bị	700.000
		Tải trọng nâng từ 3 tấn trở lên	Thiết bị	1.500.000
		Nâng người có số lượng đến 10 người	Thiết bị	2.500.000
		Nâng người có số lượng trên 10 người	Thiết bị	3.000.000
8	Thang máy các loại	Thang máy dưới 10 tầng dừng	Thiết bị	2.000.000
		Thang máy từ 10 tầng dừng đến 20 tầng dừng	Thiết bị	3.000.000
		Thang máy trên 20 tầng dừng	Thiết bị	4.500.000

CÔNG NGHỆ THANH PHỐ HẠ

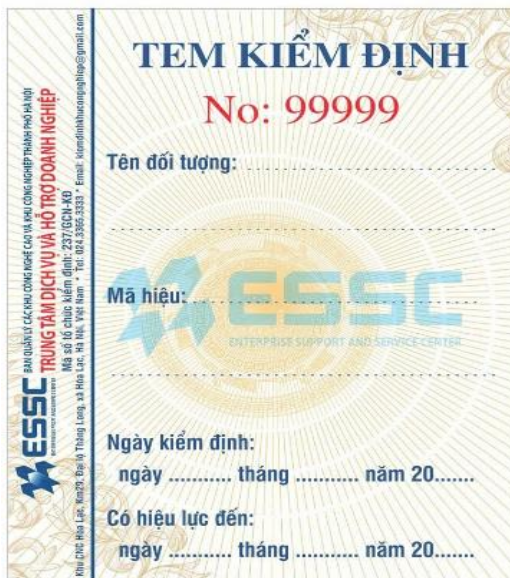
9	Palăng điện, xích kéo tay	Palăng điện tải trọng đến 3 tấn, palăng xích kéo tay tải trọng nâng từ 1 tấn đến 3 tấn	Thiết bị	750.000
		Palăng điện, palăng xích kéo tay tải trọng nâng từ trên 3 tấn đến 7,5 tấn	Thiết bị	1.300.000
		Palăng điện, xích kéo tay tải trọng nâng trên 7,5 tấn	Thiết bị	1.800.000
10	Xe nâng hàng dùng động cơ có tải trọng từ 1,0 tấn trở lên, xe tự hành nâng người.	Tải trọng nâng từ 1 tấn đến 3 tấn	Thiết bị	1.100.000
		Tải trọng nâng từ trên 3 tấn đến 7,5 tấn	Thiết bị	1.600.000
		Tải trọng nâng từ trên 7,5 tấn đến 15 tấn	Thiết bị	1.900.000
		Tải trọng trên 15 tấn	Thiết bị	2.500.000
		Xe tự hành nâng người (không phân biệt tải trọng)	Thiết bị	1.400.000
11	Hệ thống điều chế; nạp khí; khí hóa lỏng, hòa tan	Hệ thống có 20 miệng nạp trở xuống	Hệ thống	2.500.000
		Hệ thống có 21 miệng nạp trở lên	Hệ thống	3.000.000
12	Chai dùng để chứa, chuyên chở khí nén, khí hóa lỏng, khí hòa tan	Chai chứa khí đốt hóa lỏng dung tích nhỏ hơn 30 lít (Kiểm định định kỳ)	Chai	25.000
		Chai chứa khí đốt hóa lỏng dung tích từ 30 lít trở lên (Kiểm định định kỳ)	Chai	40.000
		Chai chứa khí đốt hóa lỏng tiêu chuẩn (Kiểm định lần đầu)	Chai	70.000
		Chai khác (không kê dung tích)	Chai	50.000
		Chai chứa khí độc (không kê dung tích)	Chai	70.000
13	Thang cuốn, băng tải chở người	Thang cuốn không kể năng suất	Thiết bị	2.200.000
		Băng tải chở người không kể năng suất	Thiết bị	2.500.000
14	Nồi đun nước nóng	Công suất nhỏ hơn 500.000 Kcal/h	Thiết bị	700.000
		Công suất từ 500.000 đến 750.000 Kcal/h	Thiết bị	1.200.000
		Công suất từ trên 750.000 Kcal/h đến 1.000.000 Kcal/h	Thiết bị	2.000.000
		Công suất từ trên 1.000.000 Kcal/h đến 1.500.000 Kcal/h	Thiết bị	2.400.000
		Công suất từ trên 1.500.000 Kcal/h đến 2.000.000 Kcal/h	Thiết bị	2.560.000
		Công suất trên 2.000.000 Kcal/h	Thiết bị	2.800.000
15	Nồi gia nhiệt dầu	Công suất nhỏ hơn 1.000.000 Kcal/h	Thiết bị	960.000
		Công suất từ 1.000.000 đến 2.000.000 Kcal/h	Thiết bị	1.200.000
		Công suất từ trên 2.000.000 Kcal/h đến 4.000.000 Kcal/h	Thiết bị	1.440.000
		Công suất trên 4.000.000 Kcal/h	Thiết bị	2.000.000

Đơn giá trên được áp dụng theo Thông tư số 41/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Nay là Bộ Nội vụ): Quy định giá tối thiểu đối với dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động máy, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

Phụ lục 02

(Kèm theo Thông báo số: 65/TB-DVHTDN ngày 5/11/2025)

Mẫu tem kiểm định



Mẫu giấy chứng nhận kết quả kiểm định



BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

*(Cấp theo Quyết định số **1114/QĐ-BNV** ngày **16** tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

TRUNG TÂM DỊCH VỤ VÀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

Địa chỉ đăng ký kinh doanh: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 Đại lộ Thăng long, xã Hòa Lạc, thành phố Hà Nội

Mã số đăng ký chứng nhận: **237/GCN-KĐ**

ĐƯỢC CHỨNG NHẬN CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG

PHẠM VI KIỂM ĐỊNH ĐƯỢC CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN:

*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định số **1114/QĐ-BNV** ngày tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.*

Ngày cấp: **16** tháng 10 năm 2025.

Ngày hết hiệu lực: **16** tháng 10 năm 2030.

Cấp lần thứ: **01**./

**TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC VIỆC LÀM**



Vũ Trọng Bình

Đơn vị phải tuân thủ quy định của pháp luật, duy trì các điều kiện kinh doanh và chịu trách nhiệm trong quá trình hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.